TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 4 - 2024
V/v xin L hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trịnh Anh Minh
Bà NG Thị Ngọc Điệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp xin L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- N đơn: Bà Lê Trúc L; Sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Số a đường NTN, khóm 3, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Chí NG; Sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số a đường NTN, khóm 3, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, N đơn bà Lê Trúc L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lê Trúc L và ông Lê Chí NG chung sống với nhau từ năm 2008, đến năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau vợ chồng có thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông NG có hành vi đánh bà L, ông NG thường xuyên tụ tập bạn bè không chăm lo cho gia đình, đời sống vợ chồng không hòa hợp mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không còn tiếng nói chung không thể hàn gắn, bà L và ông NG đã L thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay bà L yêu cầu L hôn với ông N.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 22/11/2009 và Lê Duy K, sinh ngày 14/01/2011, cả hai con chung đang sống chung với bà L. Khi L hôn bà L yêu cầu nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Lê Chí NG đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, N đơn giữ N yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Chí NG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Lê Trúc L và ông Lê Chí NG tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2022 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét N nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà L trình bày: Do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai không tìm được tiếng nói chung, hiện nay ông NG và bà L đã L thân. Bà L xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho L hôn với ông NG. Về phía ông NG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án cho thấy ông NG không có thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà L. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông NG và bà L không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được L hôn với ông NG.

[3] *Về nuôi con chung*: Ông NG và bà L có 02 người con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 22/11/2009 và Lê Duy K, sinh ngày 14/01/2011, hiện các con đang sống với bà L. Khi L hôn, bà L yêu cầu được nuôi 02 con chung. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con khi cha mẹ L hôn thì con chung là Lê Duy K và Lê Kim N có nguyện vọng sống với mẹ là bà L. Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông NG không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà L xác định tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về *nợ chung:* Bà L xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Trúc L về việc xin L hôn ông Lê Chí NG.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 22/11/2009 và Lê Duy K, sinh ngày 14/01/2011 cho bà Lê Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông NG không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Trúc L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 01/02/2024, bà Lê Trúc L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008042 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

N đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 4,tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Hàng Bích Trâm